

Số: *KC/3*/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *31* tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình cải tạo,
nâng cấp ĐH.42 đoạn Km4+800 - Km7+300, huyện Yên Mỹ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.42 đoạn Km4+800 - Km7+300, huyện Yên Mỹ;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Yên Mỹ tại Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 24/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.42 đoạn Km4+800 - Km7+300, huyện Yên Mỹ với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐH.42 đoạn Km4+800 - Km7+300, huyện Yên Mỹ.

2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.42 đoạn Km4+800 - Km7+300, huyện Yên Mỹ.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Yên Mỹ.

4. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Cấp công trình: Công trình cấp III.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Yên Mỹ.

6. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Trung tâm Tư vấn giao thông vận tải Hưng Yên.

7. Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Trần Quang Tú.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu.

8.1. Bình đồ tuyến: Hướng tuyến theo hướng tuyến hiện tại. Tim tuyến điều chỉnh cho phù hợp với địa hình và mặt bằng tuyến.

- Đoạn Km4+800 - Km5+600: Bên trái tuyến (phía Đông) giáp khu dân cư, khó khăn về giải phóng mặt bằng; phải tuyến (phía Tây) tiếp giáp ruộng thủy lợi; tim tuyến được mở về bên phải tuyến (lấn ruộng khoảng $3,0 \div 4,0\text{m}$);

- Đoạn Km5+600 - Km7+263: Trái tuyến (phía Đông) đi qua ruộng canh tác; phải tuyến (phía Tây) tiếp giáp ruộng thủy lợi có chiều sâu lớn; tim tuyến được mở về bên trái tuyến (lấn ruộng khoảng $8,0 \div 9,0\text{m}$).

8.2. Trắc dọc tuyến: Cao độ mặt đường thiết kế đảm bảo chiều dày kết cấu, phù hợp với địa hình hai bên tuyến; cao độ khống chế bởi điểm đầu, điểm cuối tuyến.

8.3. Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 9,0\text{m}$;

- Chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$; độ dốc ngang 2 mái $i = 2\%$;

- Chiều rộng lề đường $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$; độ dốc ngang $i = 4\%$;

- Ta luy đắp 1:1,5.

8.4. Kết cấu áo đường (theo tứ tự từ trên xuống):

- Mặt đường BTNC19 dày 7cm;

- Tưới nhựa thấm bảm bằng nhựa nóng pha dầu tiêu chuẩn $1,0\text{kg}/\text{m}^2$;

- Móng lớp trên bằng CPĐD loại I dày 15cm;

- Móng lớp dưới bằng CPĐD loại II dày 30cm;

- Móng cát đen đầm K98 dày 50cm;

- Móng cát đen đầm chặt K95 (nếu có).

8.5. Hệ thống thoát nước:

a) Thoát nước dọc: Đoạn ngoài khu dân cư thoát nước tự nhiên; đoạn qua khu dân cư thiết kế rãnh dọc kết hợp hố ga để thoát nước.

- Kết cấu rãnh: Khẩu độ rãnh $B \times H_{\text{tb}} = 40\text{cm} \times H_{\text{tb}}$ (H_{tb} là chiều cao tại từng mặt cắt); thân rãnh bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 10cm đặt trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; tấm đan rãnh bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 15cm.

- Hố ga: Móng hố ga bằng BTXM M150 dày 15cm trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; tường xây gạch chỉ vữa XMCV M75 dày 33cm; trát trong lòng rãnh vữa XMCV M75 dày 1,0cm; xà mũ bằng BTXM M200 đá 1x2; tấm đan bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 15cm.

b) Thoát nước ngang: Làm mới và thay thế các cống cũ bị hư hỏng bằng cống tròn BTCT đúc sẵn tải trọng C; móng cống BTXM độ tại chỗ M150 đá 2x4 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm; tường đầu, tường cánh xây đá hộc vữa XMCV M100.

8.6. Gia cố mái taluy đoạn Km5+160 - Km5+600 (phải): Gia cố nền móng bằng cọc tre $l=2,5\text{m}$, 20 cọc/ 1m^2 ; đệm đá dăm dày 10cm; thân kè bằng BTXM M150 đá 2x4; xây gia cố mái bằng đá hộc vữa XMCV M75 dày 30cm, độ dốc mái 1:1; trên lớp đệm đá dăm dày 10cm.

8.7. Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống cọc tiêu, biển báo, vạch sơn kẻ

đường theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT: Mặt biển bằng tôn mạ kẽm nhúng nóng dày 2mm, cột biển bằng ống thép dày 2mm sơn trắng, đồ xen kẽ, màng phản quang loại sori 3400 theo TCVN 7887:2008; cọc tiêu bằng BTCT M200 đá 1x2; cột H, cột Km bằng BTXM M200 đá 1x2; đế cột tiêu, cột H, cột Km, biển báo bằng BTXM M150 đá 2x4; vạch sơn tim đường bằng sơn nóng dẻo nhiệt phản quang dày 2mm.

8.8. Các giải pháp thiết kế khác.

- Đắp đất lề đường, đắp trả hố móng rãnh phía nhà dân bằng đất tận dụng đầm chặt K90;

- Đắp trả hố móng công, đắp trả hố móng rãnh bằng cát đen đầm chặt K95;

- Đánh cấp b = 50m, đào đất hữu cơ h = 30cm;

- Vuốt nối đường ngang bằng BTNC19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bằng nhựa nóng pha dầu bảm tiêu chuẩn 1,0kg/m², móng bằng CPDD loại I.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình : **25.617.612.000đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 20.165.915.000đồng

- Chi phí quản lý dự án : 350.704.000đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.279.489.000đồng

- Chi phí khác : 1.492.630.000đồng

- Chi phí dự phòng : 2.328.874.000đồng

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh 70%; ngân sách huyện Yên Mỹ 30%.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017 - 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc nhà nước Hưng Yên; Chủ tịch UBND huyện Yên Mỹ và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch

UBND tỉnh;

- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;

- Lưu: VT, KT^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Ngọc Quỳnh